

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
VICEM SÔNG THAO

Số: ~~577~~ /XMST-KHCL

Phủ Thọ, ngày 18 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa năm 2023
(Ký hiệu: XMST/2023/VBCL)

Kính gửi: - Công ty TNHH STD &P;

- Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ;
- Công ty TNHH Phát Nguyên;
- Công ty TNHH Long Hải Hà Nội.

Căn cứ Thư mời chào giá gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa năm 2023 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp gói mua sắm nêu trên.

Căn cứ Kết quả đánh giá hồ sơ chào giá gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa năm 2023 của các Nhà cung cấp đã được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-XMST ngày 17/4/2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao trân trọng thông báo kết quả đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Mua sắm vật tư Vòng bi các loại phục vụ sửa chữa năm 2023 như sau:

I. Đối với Phần 1 Vòng bi NSK/ASAHI;FBJ:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn:

+ Phần 1 Vòng bi NSK/ASAHI;FBJ: Công ty trách nhiệm hữu hạn STD&P;

Địa chỉ: 479 Đội Cấn, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp: là: **133.031.250 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng)**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Phần 1	Vòng bi	NSK/ASAHI;FBJ					

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1		Vòng bi 6002ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	56.100	561.000
2		Vòng bi 6004ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	25	56.600	1.415.000
3		Vòng bi 6006ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	95.000	950.000
4		Vòng bi 6201ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	80	43.200	3.456.000
5		Vòng bi 6202ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	20	85.000	1.700.000
6		Vòng bi 6203ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	97.000	970.000
7		Vòng bi 6302ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	67.000	670.000
8		Vòng bi 6304ZZCM	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	110.500	1.105.000
9		Vòng bi N205W	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	281.000	2.810.000
10		Vòng bi N206M	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	825.000	8.250.000
11		Vòng bi N208W	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	1.545.000	15.450.000
12		Vòng bi N211W	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	886.000	8.860.000
13		Vòng bi N307M	NSK-Nhật Bản	Vòng	10	918.900	9.189.000
14		Vòng bi N309M	NSK-Nhật Bản	Vòng	5	1.378.300	6.891.500
15		Vòng bi UK215 + H2315	ASAHI-FBJ-Nhật Bản	Bộ	5	5.140.000	25.700.000
16		Vòng bi UCF215	ASAHI-Nhật Bản	Bộ	5	2.820.000	14.100.000
17		Vòng bi UKFC215+ H2315	ASAHI-FBJ-Nhật Bản	Bộ	2	4.780.000	9.560.000
18		Vòng bi UKT215+H2315	ASAHI-FBJ-Nhật Bản	Bộ	2	4.650.000	9.300.000
Tổng cộng trước thuế							120.937.500
Thuế GTGT: 10%							12.093.750
Tổng cộng sau thuế							133.031.250

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao.

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: giao hàng tháng 06/2023:

II. Đối với Phần 2 Vòng bi SKF:

4

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn: **Công ty TNHH Phát Nguyên.**

Địa chỉ: Số 73 phố Nguyễn Công Trứ, P. Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp là: **2.107.856.080 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm linh bảy triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng).**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Phần 2		Vòng bi SKF	SKF				
1		Vòng bi 51111	SKF	Vòng	5	656.000	3.280.000
2		Vòng bi 3204 A-2ZTN9/MT33	SKF	Vòng	20	892.700	17.854.000
3		Vòng bi 6403	SKF	Vòng	10	602.000	6.020.000
4		Vòng bi 1209 ETN9	SKF	Vòng	10	749.700	7.497.000
5		Vòng bi 6204-2Z	SKF	Vòng	300	112.200	33.660.000
6		Vòng bi 6206-2Z	SKF	Vòng	80	180.800	14.464.000
7		Vòng bi UC 206	SKF	Vòng	200	369.400	73.880.000
8		Vòng bi UC 207	SKF	Vòng	10	406.000	4.060.000
9		Vòng bi UC 208	SKF	Vòng	40	471.100	18.844.000
10		Vòng bi UC 210	SKF	Vòng	20	606.600	12.132.000
11		Vòng bi UC 215	SKF	Vòng	10	1.735.700	17.357.000
12		Vòng bi YSA 210-2FK	SKF	Vòng	4	838.400	3.353.600
13		Lót côn H 2310	SKF	Cái	4	614.800	2.459.200
14		Vòng bi UCF 206	SKF	Vòng	100	384.000	38.400.000
15		Vòng bi UCF 207	SKF	Vòng	20	460.500	9.210.000

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
16		Vòng bi UCF 208	SKF	Vòng	10	535.100	5.351.000
17		Vòng bi UCF 210	SKF	Vòng	10	688.600	6.886.000
18		Vòng bi UCP 206	SKF	Vòng	4	365.800	1.463.200
19		Vòng bi UCP 207	SKF	Vòng	4	439.100	1.756.400
20		Vòng bi UCP 208	SKF	Vòng	10	711.600	7.116.000
21		Vòng bi UCP 210	SKF	Vòng	10	916.300	9.163.000
22		Vòng bi UCT 210	SKF	Vòng	10	951.100	9.511.000
23		Vòng bi UCT 215	SKF	Vòng	4	2.722.100	10.888.400
24		Vòng bi 6024	SKF	Vòng	2	2.600.000	5.200.000
25		Vòng bi 30216	SKF	Vòng	4	1.735.000	6.940.000
26		Vòng bi 1218 K	SKF	Vòng	8	3.432.200	27.457.600
27		Lót côn H 218	SKF	Cái	8	1.606.900	12.855.200
28		Vòng bi 22218 E	SKF	Vòng	2	4.030.600	8.061.200
29		Vòng bi 22226 E/C3	SKF	Vòng	2	11.757.100	23.514.200
30		Vòng bi 22228 CCK/W33	SKF	Vòng	2	16.396.200	32.792.400
31		Lót côn H 3128	SKF	Cái	2	4.964.400	9.928.800
32		Vòng bi 22232 CCK/W33	SKF	Vòng	2	22.747.900	45.495.800
33		Lót côn H 3132	SKF	Cái	2	7.753.200	15.506.400
34		Vòng bi 23134 CC/W33	SKF	Vòng	1	25.030.000	25.030.000
35		Vòng bi 29434 E	SKF	Vòng	1	71.870.000	71.870.000
36		Vòng bi N 319 ECM/C3	SKF	Vòng	1	20.524.300	20.524.300

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
37		Vòng bi NU 222 ECM/C3	SKF	Vòng	3	13.391.000	40.173.000
38		Vòng bi NU 316 ECM/C3	SKF	Vòng	2	9.416.600	18.833.200
39		Vòng bi NJ 312 ECM	SKF	Vòng	20	7.023.900	140.478.000
40		Vòng bi NU 212 ECM/C3	SKF	Vòng	3	4.372.200	13.116.600
41		Vòng bi NU 2313 ECML/C3	SKF	Vòng	3	9.200.000	27.600.000
42		Vòng bi NU 308 ECM/C3	SKF	Vòng	4	3.672.200	14.688.800
43		Vòng bi NU 314 ECM/C3	SKF	Vòng	1	7.334.600	7.334.600
44		Vòng bi 6206-2Z/C3	SKF	Vòng	100	180.800	18.080.000
45		Vòng bi 6207-2Z/C3	SKF	Vòng	140	241.800	33.852.000
46		Vòng bi 6208-2Z/AEM3/C3WT	SKF	Vòng	100	295.400	29.540.000
47		Vòng bi 6209-2Z/AEM3/C3GJN	SKF	Vòng	50	401.700	20.085.000
48		Vòng bi 6210-2Z/C3	SKF	Vòng	50	482.000	24.100.000
49		Vòng bi 23268 CA/W33	SKF	Vòng	1	370.091.900	370.091.900
50		Vòng bi NU 2268 MA/VA450	SKF	Vòng	1	392.209.500	392.209.500
51		Vòng bi 6310-2Z/C3	SKF	Vòng	25	757.100	18.927.500
52		Vòng bi 6311-2Z/AEM3/C3WT	SKF	Vòng	10	934.100	9.341.000
53		Vòng bi 6312-2Z/AEM3/C3GJN	SKF	Vòng	50	1.200.000	60.000.000
54		Vòng bi 6313-2Z/AEM3/C3WT	SKF	Vòng	20	1.300.000	26.000.000
55		Vòng bi 6314-2Z/C3	SKF	Vòng	20	1.600.000	32.000.000

279
NG
PH
MÁN
ICE
GTH
BA-T

✍

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng cộng trước thuế							1.916.232.800
<i>Thuế GTGT: 10%</i>							<i>191.623.280</i>
Tổng cộng sau thuế							2.107.856.080

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao.

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: giao hàng tháng 07/2023.

III. Đối với Phần 3 Vòng bi FAG:

1) Tên nhà cung cấp đề nghị lựa chọn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn quốc tế Sao Đỏ.**

Địa chỉ: Số 01 ngõ 71 Láng Hạ, P. Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

2) Giá trị hàng hóa cung cấp là: **379.615.500 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, năm trăm đồng).**

Bảng giá trị chi tiết

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Phần 3		Vòng bi FAG					
1	Vòng bi 6012-2Z	FAG-Korea	Vòng	10	290.000	2.900.000	
2	Vòng bi 6014-2Z	FAG-Germany/India/Korea	Vòng	5	593.000	2.965.000	
3	Vòng bi 6208 NR	FAG-Germany/India/Korea	Vòng	8	290.000	2.320.000	
4	Vòng bi 1212K - TVH + H212	1212 K TVH FAG- Germany	Vòng	20	1.585.000	31.700.000	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
			H212 FAG Taiwan/China/Germany				
5	Vòng bi 22312 E1-XL	FAG- Germany	Vòng	6	3.102.000	18.612.000	
6	Vòng bi 21313 E1-XL	FAG- Germany/India	Vòng	6	3.050.000	18.300.000	
7	Vòng bi 22210-E1	FAG- Germany	Vòng	4	1.584.000	6.336.000	
8	Vòng bi 22310-E1	FAG- Germany	Vòng	6	2.538.000	15.228.000	
9	Vòng bi 22314-E1	FAG-China	Vòng	15	3.921.000	58.815.000	
10	Vòng bi 30211-DY	FAG- Germany/korea	Vòng	5	876.000	4.380.000	
11	Vòng bi 32008-XA	FAG-Hunggari	Vòng	10	620.000	6.200.000	
12	Vòng bi 32306-DY	FAG- Germany/korea	Vòng	5	851.000	4.255.000	
13	Vòng bi 32308-A (32308-XL)	FAG- Hunggari/Việt Nam	Vòng	5	1.053.000	5.265.000	
14	Vòng bi 32310-A	FAG- Hunggari/Việt Nam/India/Germany	Vòng	5	1.239.000	6.195.000	
15	Vòng bi NJ310-E-XL-TVP2	FAG- Germany/romania	Vòng	5	4.200.000	21.000.000	
16	Vòng bi 6016-2Z	FAG- Germany	Vòng	10	812.000	8.120.000	
17	Vòng bi 6204-2ZR/C3	FAG- korea	Vòng	100	87.000	8.700.000	
18	Vòng bi 6205-2Z-C3 (6205-C-2Z-C3)	FAG- korea/Portugal	Vòng	120	92.000	11.040.000	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
19		Vòng bi 6210NR	FAG-Germany/korea	Vòng	5	322.000	1.610.000
20		Vòng bi 6211-2Z-C3 (6211-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/portugal	Vòng	5	380.000	1.900.000
21		Vòng bi 6213-2Z-C3	FAG-Germany/korea/India	Vòng	15	634.000	9.510.000
22		Vòng bi 6214-2Z-C3	FAG-Germany/korea/India	Vòng	10	720.000	7.200.000
23		Vòng bi 6215-2Z-C3	FAG-Germany/korea/India	Vòng	20	793.000	15.860.000
24		Vòng bi 6305-2Z-C3 (6305-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal	Vòng	40	150.000	6.000.000
25		Vòng bi 6306-2Z-C3 (6306-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal	Vòng	80	219.000	17.520.000
26		Vòng bi 6307-2Z-C3 (6307-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal	Vòng	20	250.000	5.000.000
27		Vòng bi 6308-2Z-C3 (6308-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal	Vòng	50	357.000	17.850.000
28		Vòng bi 6309 2Z-C3 (6309-C-2Z-C3)	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal	Vòng	30	450.000	13.500.000
29		Vòng bi 6810-2Z (6810-2RZ-Y)	FAG-Germany/korea/	Vòng	10	1.033.000	10.330.000

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/Nhà cung cấp/ xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
			India/China/Portugal/Slovakia				
30	Vòng bi 21306-E1-XL-TVPB	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal/Slovakia	Vòng	2	1.267.000	2.534.000	
31	Vòng bi 21309-E1-XL	FAG-Germany/korea/India/China/Portugal/Slovakia	Vòng	2	1.980.000	3.960.000	
Tổng cộng trước thuế							345.105.000
Thuế GTGT: 10%							34.510.500
Tổng cộng sau thuế							379.615.500

Ghi chú: Giá trị hàng hoá đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng về kho của Vicem Sông Thao.

3) Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4) Thời gian giao hàng: Tháng 07/2023.

Trước khi thực hiện 05 ngày, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian thực hiện.

II. Nhà cung cấp không trúng cung cấp:

- Công ty TNHH Long Hải Hà Nội:

Lý do: Công ty TNHH Long Hải Hà Nội là đơn vị có giá chào trong Thư chào giá xếp thứ hai trong các nhà cung cấp tham gia chào giá Phần 2: Vòng bi SKF.

III. Việc hoàn trả bảo đảm dự chào giá:

- Đối với nhà cung cấp bảo đảm dự chào giá bằng bảo lãnh ngân hàng: Thông báo này là cơ sở để các ngân hàng giải tỏa bảo lãnh dự chào giá của gói mua sắm. Trường hợp bảo đảm dự chào giá bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc nộp tiền mặt sẽ được Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao thanh toán sau khi nhận được đề nghị thanh toán của Nhà cung cấp.

- Đối với nhà cung cấp trúng gói mua sắm, bảo đảm dự chào giá sẽ được giải tỏa sau khi nhà cung cấp trúng thực hiện xong Bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký

hợp đồng. Trường hợp bảo đảm dự chào giá bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc nộp tiền mặt sẽ được Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao thanh toán sau khi nhận được đề nghị thanh toán của Nhà cung cấp.

IV. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn:

Đề nghị đơn vị trúng thầu khi nhận được thông báo này, liên hệ với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao để hoàn thiện và ký kết hợp đồng kinh tế để triển khai thực hiện.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao xin thông báo để nhà cung cấp được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Các phòng KHCL;
KT; TCKT;
- Tổ thẩm định;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn